

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 944/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Vũ Duy Q, sinh năm 1993.

- Chị Trần Thị Thúy N, sinh năm 1995.

Cùng nơi thường trú: 4/112 X, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ở hiện nay: Lô A, khu Q1, phường H1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Vũ Duy Q và chị Trần Thị Thúy N tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16/3/2017 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị N là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, thiếu tôn trọng nhau. Từ tháng 7 năm 2023, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Q và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh Q và chị N là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Q và chị N.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Vũ Duy Q và chị Trần Thị Thúy N có 02 con chung tên là Nguyễn Vũ Hoàng M, sinh ngày 06/10/2016 và Nguyễn Vũ Hoàng K, sinh ngày 25/9/2021. Hiện nay, 02 cháu M và K đang do anh Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Vũ Duy Q và chị Trần Thị Thúy N thỏa thuận: Giao 02 cháu Nguyễn Vũ Hoàng M và Nguyễn Vũ Hoàng K cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi), chị N không cấp dưỡng nuôi 02 con.

Sự thỏa thuận về nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Nguyễn Vũ Duy Q và chị Trần Thị Thúy N trình bày không có tài sản chung, không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Vũ Duy Q và chị Trần Thị Thúy N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Vũ Duy Q và chị Trần Thị Thúy N có 02 con chung tên là Nguyễn Vũ Hoàng M, sinh ngày 06/10/2016 và Nguyễn Vũ Hoàng K, sinh ngày 25/9/2021. Hiện nay, 02 cháu M và K đang do anh Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao 02 cháu Nguyễn Vũ Hoàng M và Nguyễn Vũ Hoàng K cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi), chị N không cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Nguyễn Vũ Duy Q và chị Trần Thị Thúy N trình bày không có tài sản chung, không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Vũ Duy Q và chị Trần Thị Thúy N, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001253 ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh Nguyễn Vũ Duy Q, chị Trần Thị Thúy N đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
 - TAND tỉnh TT. Huế;
 - VKSND thành phố H;
 - CC THADS thành phố H;
 - UBND P. T, thành phố H
- (ĐKKH số 18, ngày 16/3/2017);*
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Văn Hạnh